

Số: 411/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử
dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý
số416/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2026, về việc yêu cầu công
nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1988; CCCD: 027088006704; Nơi
thường trú: Căn hộ 2014, Tòa B1-CT2, **T, phường H, thành phố Hà Nội**.

- Chị **Nguyễn Thị Thu T1** – sinh năm 1988; CCCD: 027188012360; Nơi
thường trú: Căn hộ 2014, Tòa B1-CT2, **T, phường H, thành phố Hà Nội**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh **Nguyễn Đức T** và chị **Nguyễn Thị Thu T1** tự nguyện kết hôn, có
đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh nay là phường N, tỉnh
Bắc Ninh**) vào ngày 19/05/2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu
thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng
không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh **T**
và chị **T1** cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng
hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận
tình ly hôn, đồng thời anh chị cũng thống nhất thỏa thuận về con chung, tài sản
chung, các khoản nợ chung và lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong Biên
bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự
nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Thu T1.

- Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung: Nguyễn Đức A, sinh ngày 28/02/2014.

Giao con chung Nguyễn Đức A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 06/04/2026) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị T1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

lệ phí: Anh T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai số 0007216 ngày 26/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3- Hà Nội;
- UBNDP Nhân Hòa, tỉnh Bắc Ninh (cũ là: xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh); ĐKKH số 45/2013, quyền số 01/2013; ngày 19/05/2013);
- Phòng THA dân sự Khu vực 3- Hà Nội;
- TANDTP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hồng Hạnh